

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 17/6/2020

V/v: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan và ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Số 145 đường Ng, quận T, Thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Anh Trần Anh V, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trần Anh V tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền 01/2008, ngày 24/12/2008 của UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung. Tuy nhiên trong thời gian qua, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh V thường xuyên ăn nhậu về hành hung, đánh đập, xúc phạm chị nhiều lần. Vào cuối năm 2018, chị đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V, sau khi được Tòa án hòa giải và động viên từ gia đình, chị rút đơn về đoàn tụ. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không đoàn tụ được và không còn sống chung. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trần Anh V.

Về con chung: Giữa chị và anh V có hai con chung, gồm: Cháu Trần Nguyễn Huyền M, sinh ngày 12/10/2008, cháu bị câm điếc bẩm sinh, hiện đang học nội trú và ở tại Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Q, chị là người chăm lo việc học hành của cháu và cháu đang ở tại nhà cha mẹ đẻ của chị. Cháu Trần Thị Thu N, sinh ngày 30/9/2013, hiện anh V đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, giao cháu N cho anh Vương trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn phản hồi ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh V thống nhất như lời trình bày của chị Th về việc kết hôn. Hiện nay, vợ chồng không còn sống chung, anh sinh sống tại xã B và chăm sóc nuôi dưỡng hai con, còn chị Th bỏ nhà đi đâu không ai biết, chị không còn quan tâm hay lo lắng cho con cái, thỉnh thoảng chị có về thăm con nhưng sau đó lại tiếp tục bỏ đi. Anh V công nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th.

Về con chung: Anh V công nhận vợ chồng có hai con chung như chị Th trình bày trên là đúng. Hiện nay, anh đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu N. Đối với cháu Trần Nguyễn Huyền M bị câm, điếc bẩm sinh, hiện đang học nội trú tại Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Q. Trong thời gian chị Th bỏ nhà đi thì anh đưa đón cháu đi học, những lúc anh đi làm thì cha chị Th là người trực tiếp đưa đón cháu đi học. Khi ly hôn, anh V không đồng ý giao cháu Trần Nguyễn Huyền M cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh V chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có.

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh V. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Nguyễn Huyền M cho Chị Nguyễn Thị Hoài Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Thị Thu N cho Anh Trần Anh V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Về án phí: Buộc Chị Nguyễn Thị Hoài Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Hoài Th và Anh Trần Anh V là hợp pháp, có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24 tháng 10 năm 2008. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh là do tính tình, lối sống không hợp, nhiều lần xảy ra cãi vã, xung đột. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị Th và anh V đều thừa nhận giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung với nhau nên anh, chị thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh V là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] *Về tranh chấp nuôi con chung:*

Đối với cháu Trần Nguyễn Huyền My, Chị Nguyễn Thị Hoài Th và Anh Trần Anh V đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chung chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt và nguyện vọng của con chung. Tại biên bản làm việc ngày 03/6/2020, thông qua ngôn ngữ ký hiệu được cô giáo chủ nhiệm lớp khiếm thính 2, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Q truyền đạt thì cháu Trần Nguyễn Huyền M có nguyện vọng được ở với mẹ. Trong khi đó, cháu M bị câm điếc bẩm sinh, giới tính nữ và đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý nên cần sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu M cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu M để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho con chung.

Đối với cháu Trần Thị Thu N, chị Th và anh V thống nhất giao cháu N cho anh V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận giao cháu N cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ny và ý kiến của

UBND xã B tại Biên bản làm việc ngày 13/5/2020. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, cần giao cháu Trần Thị Thu N cho Anh Trần Anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Th và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung*: Chị Th và anh V chưa yêu cầu giải quyết.

[2.4] *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Th và anh V xác định, không có nghĩa vụ chung về tài sản.

[2.5] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*: Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.6] *Án phí*: Chị Nguyễn Thị Hoài Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273 và Điều 280 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Hoài Th và Anh Trần Anh V.

2. *Về quan hệ con chung*:

- Giao cháu Trần Nguyễn Huyền M, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2008 cho Chị Nguyễn Thị Hoài Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao cháu Trần Thị Thu N, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2013 cho Anh Trần Anh V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

Chị Th và anh V không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị Th và anh V chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

4. *Về nghĩa vụ tài sản*: Chị Th và anh V xác định, không có.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hoài Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu xong khoản tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000694, ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

7. Chị Th và anh V được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/6/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Khương, huyện Bình Sơn (*đăng ký kết hôn số 26, ngày 24/10/2008*);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Toại

